

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 361 /KSBT-XN-CDHA-TDCN



- Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SUỐI DẦU**
- Địa chỉ: KCN Suối Dầu - Xã Cam Lâm - Khánh Hòa
- Mã số mẫu: 26726HD
- Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
- Vị trí lấy mẫu: Tại nhà máy - Xã Cam Lâm
- Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hóa và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
- Ngày lấy mẫu: 12/5/2026
- Ngày nhận mẫu: 12/5/2026
- Thời gian kiểm nghiệm: 12/5/2026 đến 20/5/2026
- Ngày hẹn trả kết quả: 26/5/2026
- Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 5 năm 2026

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

GIÁM ĐỐC



Phạm Trọng Hoàng Vinh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| TT | Chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính | Phương pháp thử | Kết quả | Giới hạn cho phép ^(***) |
|----|--|--|---------------------|------------------------------------|
| 1 | Định lượng Coliforms tổng số ^(*) Phương pháp màng lọc | TCVN 6187-1:2019 | 0 | < 1 |
| 2 | Định lượng E.Coli ^(*) Phương pháp màng lọc | TCVN 6187-1:2019 | 0 | < 1 |
| 3 | Màu sắc (TCU) ^(*) | HACH 8025:2014 | 1 | 15 |
| 4 | Mùi ^(*) | QTKT-HNMV-09:2003 (Ref.SMEWW 2150:2023) | Không phát hiện mùi | Không có mùi lạ |
| 5 | pH ^(*) | TCVN 6492:2011 | 6,89 | Trong khoảng 6,0-8,5 |
| 6 | Độ đục (NTU) ^(*) | TCVN 12402-1:2020 | 0,52 | 2 |
| 7 | Clo dư tự do (mg/L) ^(*) | HACH 58700-00 Colorimeter | 0,7 | Trong khoảng 0,2-1,0 |
| 8 | Permanganat (mg/L) | TCVN 6186:1996 | 0,5 | 2 |
| 9 | Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (mg/L) | HACH 8038:2017 | 0,10 | 1 |

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

^(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

^(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

^(***): Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch

(QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 360 /KSBT-XN-CDHA-TDCN



1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SUỐI DẦU**
2. Địa chỉ: KCN Suối Dầu - Xã Cam Lâm - Khánh Hòa
3. Mã số mẫu: 26826HD
4. Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
5. Vị trí lấy mẫu: Tại trụ cứu hỏa đường số 1 - Xã Cam Lâm
6. Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hóa và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
7. Ngày lấy mẫu: 12/5/2026
8. Ngày nhận mẫu: 12/5/2026
9. Thời gian kiểm nghiệm: 12/5/2026 đến 20/5/2026
10. Ngày hẹn trả kết quả: 26/5/2026
11. Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 5 năm 2026

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

GIÁM ĐỐC



Phạm Trọng Hoàng Vinh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| TT | Chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính | Phương pháp thử | Kết quả | Giới hạn cho phép ^(***) |
|----|--|--|---------------------|------------------------------------|
| 1 | Định lượng Coliforms tổng số ^(*) Phương pháp màng lọc | TCVN 6187-1:2019 | 0 | < 1 |
| 2 | Định lượng E.Coli ^(*) Phương pháp màng lọc | TCVN 6187-1:2019 | 0 | < 1 |
| 3 | Màu sắc (TCU) ^(*) | HACH 8025:2014 | 1 | 15 |
| 4 | Mùi ^(*) | QTKT-HNMV-09:2003 (Ref.SMEWW 2150:2023) | Không phát hiện mùi | Không có mùi lạ |
| 5 | pH ^(*) | TCVN 6492:2011 | 6,88 | Trong khoảng 6,0-8,5 |
| 6 | Độ đục (NTU) ^(*) | TCVN 12402-1:2020 | 0,39 | 2 |
| 7 | Clo dư tự do (mg/L) ^(*) | HACH 58700-00 Colorimeter | 0,3 | Trong khoảng 0,2-1,0 |
| 8 | Permanganat (mg/L) | TCVN 6186:1996 | 0,5 | 2 |
| 9 | Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (mg/L) | HACH 8038:2017 | 0,06 | 1 |

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

^(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

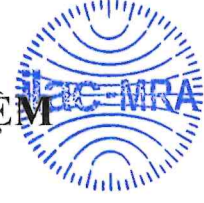
^(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

^(***): Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch

(QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 3.79 /KSBT-XN-CDHA-TDCN



1. Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP SUỐI DẦU**
2. Địa chỉ: KCN Suối Dầu - Xã Cam Lâm - Khánh Hòa
3. Mã số mẫu: 26926HD
4. Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
5. Vị trí lấy mẫu: Tại trung tâm xử lý nước thải - Xã Cam Lâm
6. Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hóa và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
7. Ngày lấy mẫu: 12/5/2026
8. Ngày nhận mẫu: 12/5/2026
9. Thời gian kiểm nghiệm: 12/5/2026 đến 20/5/2026
10. Ngày hẹn trả kết quả: 26/5/2026
11. Kết quả kiểm nghiệm: xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 5 năm 2026

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

GIÁM ĐỐC



Phạm Trọng Hoàng Vinh

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| TT | Chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính | Phương pháp thử | Kết quả | Giới hạn cho phép ^(***) |
|----|--|--|---------------------|------------------------------------|
| 1 | Định lượng Coliforms tổng số ^(*) Phương pháp màng lọc | TCVN 6187-1:2019 | 0 | < 1 |
| 2 | Định lượng E.Coli ^(*) Phương pháp màng lọc | TCVN 6187-1:2019 | 0 | < 1 |
| 3 | Màu sắc (TCU) ^(*) | HACH 8025:2014 | 1 | 15 |
| 4 | Mùi ^(*) | QTKT-HNMV-09:2003 (Ref.SMEWW 2150:2023) | Không phát hiện mùi | Không có mùi lạ |
| 5 | pH ^(*) | TCVN 6492:2011 | 6,87 | Trong khoảng 6,0-8,5 |
| 6 | Độ đục (NTU) ^(*) | TCVN 12402-1:2020 | 0,30 | 2 |
| 7 | Clo dư tự do (mg/L) ^(*) | HACH 58700-00 Colorimeter | 0,3 | Trong khoảng 0,2-1,0 |
| 8 | Permanganat (mg/L) | TCVN 6186:1996 | 0,4 | 2 |
| 9 | Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (mg/L) | HACH 8038:2017 | KPH | 1 |

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

^(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

^(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

^(***): Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)